

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 58/TC-HCSN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 1995

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Về hướng dẫn tạm thời phương thức thu nhập bảo hiểm xã hội

Căn cứ Nghị định số 12/CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ ban hành Điều lệ Bảo hiểm xã hội và Nghị định số 19/CP ngày 16-2-1995 của Chính phủ về việc thành lập Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trong khi chờ Chính phủ ban hành quy chế thu, chi tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và sau khi có ý kiến của Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại Công văn số 115/BHXHVN ngày 4-7-1995; Bộ Tài chính hướng dẫn tạm thời thu, nộp bảo hiểm xã hội như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THU BẢO HIỂM XÃ HỘI

Đối tượng thu bảo hiểm xã hội là người sử dụng lao động và người lao động (kể cả người lao động được cử đi học, đi thực tập, điều dưỡng công tác ở trong, ngoài nước vẫn thuộc danh sách trả lương hoặc tiền công của cơ quan và đơn vị) làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau đây:

1. Các doanh nghiệp Nhà nước.
2. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có sử dụng từ 10 lao động trở lên.
3. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khu chế xuất, khu công nghiệp.
4. Các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ thuộc lực lượng vũ trang.
5. Các tổ chức kinh doanh, dịch vụ thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể.
6. Các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

7. Các đơn vị sự nghiệp gắn thu bù chi, đơn vị sự nghiệp hưởng nguồn thu bằng viện trợ nước ngoài (kể cả viện trợ của tổ chức phi Chính phủ) để trả lương cho công nhân viên chức trong đơn vị.

8. Các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể, hội quần chúng, dân cử từ Trung ương đến cấp huyện.

9. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Ban Cơ yếu Chính phủ.

II. MỨC THU VÀ NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ TRÍCH NỘP BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Mức thu bảo hiểm xã hội: Mức thu bảo hiểm xã hội là 20% tổng quỹ tiền lương hàng tháng, trong đó:

- Cơ quan, đơn vị hoặc chủ sử dụng lao động đóng bằng 15% so với tổng quỹ tiền lương của những người tham gia quỹ Bảo hiểm xã hội.
- Người lao động đóng bằng 5% tiền lương hàng tháng.

2. Quỹ tiền lương hàng tháng làm căn cứ trích nộp bảo hiểm xã hội.

a) Đối với khu vực hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, đoàn thể, hội quần chúng, dân cử và lực lượng vũ trang:

Quỹ tiền lương hàng tháng làm căn cứ trích nộp bảo hiểm xã hội gồm: Tiền lương chính theo ngạch, bậc, theo cấp hàm, chức vụ và các khoản phụ cấp chức vụ, khu vực, đất đỏ, thâm niên, phụ cấp chức vụ dân cử, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định tại Nghị quyết số 35-NQ/UBTVQHK9 ngày 17-5-1993 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 9, Quyết định số 69-QĐ/TW ngày 17-5-1993 của Ban Bí thư; Nghị định số 25-CP ngày 17-5-1993 của Chính phủ; Quyết định số 574-TTg ngày 25-11-1993 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 5-CP ngày 26-1-1994 của Chính phủ.

b) Khu vực sản xuất kinh doanh:

Đối với các doanh nghiệp quy định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5 phần I Thông tư này, tổng quỹ tiền lương làm căn cứ trích nộp bảo hiểm xã hội là tổng số tiền lương hàng tháng của những người tham gia bảo hiểm xã hội gồm: Tiền lương cấp bậc, chức vụ, hợp đồng, hệ số chênh lệch bảo lưu và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp đất đỏ (nếu có)... theo đúng Nghị định số 26-CP ngày 23-5-1993 và Nghị định số 5-CP ngày 26-1-1994 của Chính phủ.